

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức,
cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc giao khu vực biển nhất định trên các vùng biển Việt Nam cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển.

2. Việc giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí thực hiện theo quy định của pháp luật về dầu khí; việc khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy sản; việc giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giao khu vực biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu vực biển nhất định là một phần của vùng biển Việt Nam bao gồm khối nước, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, có ranh giới xác định, được quy hoạch để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật.
2. Vùng biển 03 hải lý là vùng biển có ranh giới phía ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo phương vĩ tuyến một khoảng cách 03 hải lý.
3. Khu vực biển liên vùng là khu vực biển nằm giữa hai hay nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển; hoặc giữa vùng 03 hải lý và vùng ngoài 03 hải lý.
4. Khai thác, sử dụng tài nguyên biển là hoạt động lấy tài nguyên biển hoặc sử dụng tài nguyên biển để phục vụ phát triển các ngành kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
5. Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong khu vực biển đề nghị giao.

Điều 4. Ranh giới, diện tích khu vực biển

1. Ranh giới, diện tích khu vực biển được xác định đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở dự án đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển.
2. Khu vực biển được xác định bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ cụ thể và được thể hiện trên nền hải đồ với tỷ lệ thích hợp do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản.

Điều 5. Nguyên tắc giao khu vực biển

1. Bảo đảm sự quản lý tổng hợp, thống nhất, liên ngành, liên vùng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường biển; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững.
2. Bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp trong khu vực biển được giao; đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.
3. Bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển.
4. Một khu vực biển chỉ được giao cho một tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Căn cứ giao khu vực biển

1. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, việc giao khu vực biển phải căn cứ vào quy hoạch ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy luật tự nhiên, chức năng sử dụng của khu vực biển và yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

Điều 7. Thời hạn giao khu vực biển

1. Thời hạn giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đơn đề nghị giao khu vực biển, dự án đầu tư hoặc phương án khai thác, sử dụng tài nguyên biển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, thời hạn được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thời hạn giao khu vực biển tối đa không quá 30 năm, có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm.

2. Trường hợp thời hạn giao khu vực biển quy định tại Khoản 1 Điều này đã hết, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác, sử dụng tài nguyên biển, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp tục thực hiện và việc sử dụng khu vực biển đã giao vẫn bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển thì quyết định giao khu vực biển được xem xét cấp mới theo quy định của Nghị định này.

Điều 8. Tài chính liên quan đến việc giao khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Tiền sử dụng khu vực biển được xác định căn cứ vào diện tích khu vực biển được phép sử dụng, thời hạn sử dụng khu vực biển, loại tài nguyên biển được phép khai thác, sử dụng.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

Điều 9. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng việc sử dụng khu vực biển gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

2. Thực hiện khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Sử dụng khu vực biển không đúng mục đích; lấn, chiếm biển; hủy hoại môi trường biển.

4. Vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển; hoạt động giao thông biển, khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.

6. Cung cấp trái pháp luật thông tin về khu vực biển.

7. Cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển.

8. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIAO, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN, TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Điều 10. Thẩm quyền giao khu vực biển

1. Thẩm quyền giao khu vực biển

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên biển thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định giao khu vực biển nằm ngoài vùng biển 03 hải lý; khu vực biển liên vùng, trừ các khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại điểm a khoản này;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển quyết định giao khu vực biển trong phạm vi vùng biển 03 hải lý, trừ các khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định tại Điểm a và b Khoản này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền ra quyết định giao khu vực biển nào thì có quyền gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, thu hồi, cho phép trả lại khu vực biển đó.

Điều 11. Giao khu vực biển

1. Việc giao khu vực biển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển hoặc quy hoạch ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

2. Việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Nghị định này).

3. Quyết định giao khu vực biển gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;
- b) Mục đích sử dụng khu vực biển;
- c) Địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực biển; độ sâu được phép sử dụng;
- d) Thời hạn được giao khu vực biển;
- đ) Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;
- e) Hiệu lực thi hành.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có các quyền sau đây:

a) Được sử dụng khu vực biển được giao để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Đề nghị gia hạn, trả lại khu vực biển, trả lại một phần diện tích khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

c) Được sử dụng các thông tin, dữ liệu liên quan đến khu vực biển được giao theo quy định của pháp luật;

d) Được bồi thường, hỗ trợ khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi khu vực biển để sử dụng phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia theo quy định của pháp luật;

đ) Khiếu nại, khởi kiện quyết định giao khu vực biển, quyết định gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển; quyết định thu hồi khu vực biển;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có các nghĩa vụ sau đây:

a) Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích quy định tại quyết định giao khu vực biển; không được chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân khác;

b) Chỉ được tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong phạm vi khu vực biển được giao;

c) Thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến việc sử dụng khu vực biển theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan;